**SỞ Y TẾ NGHỆ AN**

**TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUỲ CHÂU**

**QUY TRÌNH**

**KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG**

**Năm 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| SỞ Y TẾ NGHỆ AN  **TRUNG TÂM Y TẾ QUỲ CHÂU** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ - TTYT |  | *Quỳ Châu, ngày tháng năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành các quy trình kỹ thuật điều dưỡng tại**

**Trung Tâm Y Tế Quỳ Châu năm 2020**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ QUỲ CHÂU**

Căn cứ Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/ 01/ 2011 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn công tác Điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện;

Căn cứ Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 9/ 8/ 2013 của Bộ Y tế về Hướng dẫn đào tạo liên tục cho cán bộ y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng điều dưỡng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành các quy trình kỹ thuật điều dưỡng về công tác chăm sóc người bệnh tại Trung tâm y tế Quỳ châu.

*(Có mục lục kèm theo)*

**Điều 2*.*** Phòng điều dưỡng có nhiệm vụ:

Tham mưu cho Giám đốc, Chủ tịch hội đồng điều dưỡng đơn vị về kế hoạch công tác chăm sóc người bệnh. Tư vấn, sửa đổi , bổ sung các quy trình kỹ thuật về chăm sóc điều dưỡng phù hợp với quy định của Bộ Y tế và đặc điểm của từng khoa phòng tại đơn vị.

Phòng điều dưỡng tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kỹ thuật chăm sóc của điều dưỡng, nữ hộ sinh, KTV tại các khoa phòng.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các khoa, phòng, trạm y tế xác xã, thị trấn, điều dưỡng, NHS, KTV tại đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này**./.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | | | |  | **GIÁM ĐỐC** | | | |
|  | | | |  |  | | | |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 01: KỸ THUẬT THAY BĂNG VẾT THƯƠNG KHÔNG NHIỄM KHUẨN  ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | |
|
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | |  | |
| 1 | Kiểm tra hồ sơ (xác định đúng người bệnh, vị trí và đặc điểm vết thương, xem chỉ định của bác sĩ. Nhận định tình trạng người bệnh. | | | | | | | | |  | |
| 2 | Thông báo cho người bệnh/người nhà NB kỹ thuật sắp làm. | | | | | | | | |  | |
| 3 | Rửa tay thường quy bằng nước và xà phòng hoặc dung dịch rửa tay chứa cồn. | | | | | | | | |  | |
| 4 | Đội mũ, mang khẩu trang | | | | | | | | |  | |
| 5 | Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ | | | | | | | | |  | |
| 6 | Chuẩn bị dung dịch rửa vào bát đựng | | | | | | | | |  | |
| 7 | Đi găng sạch | | | | | | | | |  | |
| 8 | Để người bệnh tư thế thuận lợi | | | | | | | | |  | |
| 9 | Trải nilon dưới vết thương | | | | | | | | |  | |
| 10 | Đặt túi đựng đồ bẩn vào vị trí thuận lợi | | | | | | | | |  | |
| 11 | Tháo bỏ băng, gạc cũ | | | | | | | | |  | |
| 12 | Nhận định tình trạng vết thương | | | | | | | | |  | |
| 13 | Tháo bỏ găng đã sử dụng. | | | | | | | | |  | |
| 14 | Sát khuẩn tay nhanh | | | | | | | | |  | |
| 15 | Đi găng vô khuẩn. | | | | | | | | |  | |
| 16 | Dùng 2 kẹp vô khuẩn, tay không thuận cầm kẹp gắp gòn hoặc gạc thấm dung dịch rửa vết thương (lưu ý tay thuận luôn thấp hơn tay không thuận). | | | | | | | | |  | |
| 17 | Rửa bên trong vết thương: từ trong ra ngoài (trên cao xuống thấp, bên xa đến bên gần) cho đến khi sạch. | | | | | | | | |  | |
| 18 | Rửa vùng da xung quanh vết thương rộng ra 5cm | | | | | | | | |  | |
| 19 | Dùng gạc thấm khô bên trong vết thương | | | | | | | | |  | |
| 20 | Lau khô vùng da xung quanh bằng gòn | | | | | | | | |  | |
| 21 | Đắp gạc vô khuẩn rồi băng lại | | | | | | | | |  | |
| 22 | Báo cho người bệnh việc đã xong, giúp người bệnh tư thế thoải mái, dặn dò người bệnh về cách giữ gìn vệ sinh cho vết thương. | | | | | | | | |  | |
| 23 | Thu dọn rác bỏ vào thùng rác y tế, tháo găng tay. | | | | | | | | |  | |
| 24 | Rửa tay thường quy | | | | | | | | |  | |
| 25 | Ghi hồ sơ | | | | | | | | |  | |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | |  | |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 02: KỸ THUẬT ĐO NHIỆT ĐỘ, NHỊP THỞ, MẠCH, HUYẾT ÁP ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | |  | |
|  | | | | | |  | | |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | |  | |
| 1 | Đã thông báo và hướng dẫn cho người bệnh nghỉ ngơi trước đó 15' | | | | | | | | |  | |
| 2 | Điều dưỡng phương tiện PHCN thích hợp, rửa tay, mang dụng cụ tới giường bệnh. | | | | | | | | |  | |
| 3 | **Đo nhiệt độ** | | | | | | | | |  | |
| 4 | Kiểm tra nhiệt kế, vẩy nhẹ cho cột thủy ngân xuống dưới 35°C. | | | | | | | | |  | |
| 5 | Lau hố nách người bệnh bên phía đối diện người đo | | | | | | | | |  | |
| 6 | Đặt đầu nhiệt kế có bầu thủy ngân vào hõm nách chếch 45° hướng lên vú người bệnh. | | | | | | | | |  | |
| 7 | Khép cánh tay vào thân, cẳng tay để lên bụng (đối với NB hôn mê nhờ người nhà giữ tay NB). | | | | | | | | |  | |
| 8 | **Đếm nhịp thở** | | | | | | | | |  | |
| 9 | Đặt cánh tay người bệnh lên bụng, điều dưỡng cầm tay người bệnh giống bắt mạch. | | | | | | | | |  | |
| 10 | Đếm nhịp thở trong một phút. | | | | | | | | |  | |
| 11 | Quan sát di động lồng ngực,đánh giá: co kéo cơ hô hấp, bất thường cử động lồng ngực. | | | | | | | | |  | |
| 12 | **Đếm mạch** | | | | | | | | |  | |
| 13 | Đặt tay người bệnh dọc theo thân mình. | | | | | | | | |  | |
| 14 | Kê gối dưới cẳng tay người bệnh (nếu bắt động mạch quay). | | | | | | | | |  | |
| 15 | Đặt nhẹ 3 ngón tay (trỏ, giữa, nhẫn) lên động mạch và đếm trong một phút. Nếu có rối loạn nhịp, xác định thêm bằng ống nghe. | | | | | | | | |  | |
| 16 | **Đo huyết áp cánh tay (máy cơ)** | | | | | | | | |  | |
| 17 | Kiểm tra huyết áp, ống nghe, bộc lộ cánh tay. | | | | | | | | |  | |
| 18 | Đặt huyết áp ngang tim, quấn băng lên cánh tay trên nếp gấp khuỷu tay 3 – 5 cm. | | | | | | | | |  | |
| 19 | Khóa van, đặt ống nghe vào hai tai, tìm động mạch và đặt ống nghe lên. | | | | | | | | |  | |
| 20 | Bơm hơi cho đến khi tai không nghe thấy tiếng đập, bơm thêm 30 mmHg. | | | | | | | | |  | |
| 21 | Mở van từ từ đồng thời ghi nhận tiếng đập đầu tiên đến tiếng đập cuối cùng hoặc khi thay đổi âm sắc. | | | | | | | | |  | |
| 22 | **Lấy nhiệt kế xem kết quả [sau khi đo các chỉ số khác(tối thiểu 5 phút từ khi cặp nhiệt kế)]** | | | | | | | | |  | |
| 23 | Thông báo cho người bệnh/người nhà NB biết kết quả | | | | | | | | |  | |
| 24 | Thu dọn dụng cụ, rửa tay. | | | | | | | | |  | |
| 25 | Ghi kết quả vào phiếu theo dõi. | | | | | | | | |  | |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | |  | |
|  |  |  | | |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 03: KỸ THUẬT TIÊM DƯỚI DA ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | |  | |
|  | |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | |  | |
| 1 | Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ |  | | | | | | | |  | |
| 2 | Mang phương tiện phòng hộ cá nhân thích hợp | | | | | | | | |  | |
| 3 | Kiểm tra y lệnh | | | | | | | | |  | |
| 4 | Xác định đúng người bệnh -Thông báo giải thích | | | | | | | | |  | |
| 5 | Kiểm tra thuốc lần 1, đối chiếu với y lệnh về tên thuốc, liều tiêm, đường tiêm, thời gian tiêm thuốc. | | | | | | | | |  | |
| 6 | Rửa tay thường quy/sát khuẩn tay nhanh | | | | | | | | |  | |
| 7 | Kiểm tra thuốc lần 2, sát khuẩn ống thuốc, ống nước cất (trường hợp pha thuốc), dùng gạc vô khuẩn bẻ ống thuốc (đối với loại ống nhựa dùng panh xoay nắp). | | | | | | | | |  | |
| 8 | Xé vỏ bao bơm tiêm và thay kim lấy thuốc. Pha thuốc(nếu có). | | | | | | | | |  | |
| 9 | Rút thuốc vào bơm tiêm. Kiểm tra lại ống/lọ thuốc trước khi cô lập vào thùng đựng chất thải. | | | | | | | | |  | |
| 10 | Thay kim tiêm, cho vào bao vừa đựng bơm tiêm vô khuẩn | | | | | | | | |  | |
| 11 | Bộc lộ vùng tiêm, xác định vị trí tiêm | | | | | | | | |  | |
| 12 | Sát khuẩn tay điều dưỡng | | | | | | | | |  | |
| 13 | Sát khuẩn vùng tiêm bằng cồn 70° từ trong ra ngoài theo đường xoáy ốc đường kính trên 10cm cho đến khi sạch (tối thiểu 2 lần). (Không sử dụng kìm nếu không cần thiết). | | | | | | | | |  | |
| 14 | Cầm bơm tiêm, đuổi khí | | | | | | | | |  | |
| 15 | Đâm kim chếch 30°- 45° so với mặt da hoặc đâm kim vuông góc với mặt da véo/đáy da véo, buông tay vùng da véo | | | | | | | | |  | |
| 16 | Rút nhẹ nòng bơm tiêm thấy không có máu thì bơm thuốc từ từ, đồng thời quan sát sắc mặt NB, tốc độ tiêm bắp 1ml/10 giây | | | | | | | | |  | |
| 17 | Khi hết thuốc căng da rút kim nhanh, cho ngay bơm kim tiêm vào hộp an toàn. Trường hợp vị trí tiêm chỷ máu hoặc rỉ thuốc thì đè áp lực trong vòng 30 giây hoặc khi không thấy chảy máu ra nữa | | | | | | | | |  | |
| 18 | Dùng bông khô đè lên vị trí tiêm trong vòng 30 giây đề phòng chảy máu | | | | | | | | |  | |
| 19 | Giúp người bệnh về tư thế thoải mái, hướng dẫn những điều cần thiết. | | | | | | | | |  | |
| 20 | Thu dọn dụng cụ, rửa tay. | | | | | | | | |  | |
| 21 | Ghi hồ sơ. | | | | | | | | |  | |
|  |  |  | | | | | | | |  | |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | |  | |
|  |  |  | | | | | | | |  | |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 04: KỸ THUẬT TIÊM BẮP ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | |  | |
|  | |  | |
|  |  |  | | | | | | | |  | |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | |  | |
| 1 | Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ | | | | | | | | |  | |
| 2 | Mang phương tiện phòng hộ cá nhân thích hợp | | | | | | | | |  | |
| 3 | Kiểm tra y lệnh | | | | | | | | |  | |
| 4 | Xác định đúng người bệnh -Thông báo giải thích | | | | | | | | |  | |
| 5 | Kiểm tra thuốc lần 1, đối chiếu với y lệnh về tên thuốc, liều tiêm, đường tiêm, thời gian tiêm thuốc. | | | | | | | | |  | |
| 6 | Rửa tay thường quy/sát khuẩn tay nhanh | | | | | | | | |  | |
| 7 | Kiểm tra thuốc lần 2, sát khuẩn ống thuốc, ống nước cất (trường hợp pha thuốc), dùng gạc vô khuẩn bẻ ống thuốc (đối với loại ống nhựa dùng panh xoay nắp). | | | | | | | | |  | |
| 8 | Xé vỏ bao bơm tiêm và thay kim lấy thuốc. Pha thuốc(nếu có). | | | | | | | | |  | |
| 9 | Rút thuốc vào bơm tiêm. Kiểm tra lại ống/lọ thuốc trước khi cô lập vào thùng đựng chất thải. | | | | | | | | |  | |
| 10 | Thay kim tiêm, cho vào bao vừa đựng bơm tiêm vô khuẩn | | | | | | | | |  | |
| 11 | Bộc lộ vùng tiêm, xác định vị trí tiêm | | | | | | | | |  | |
| 12 | Sát khuẩn tay điều dưỡng | | | | | | | | |  | |
| 13 | Sát khuẩn vùng tiêm bằng cồn 70° từ trong ra ngoài theo đường xoáy ốc đường kính trên 10cm cho đến khi sạch (tối thiểu 2 lần). (Không sử dụng kìm nếu không cần thiết). | | | | | | | | |  | |
| 14 | Cầm bơm tiêm, đuổi khí | | | | | | | | |  | |
| 15 | Tiêm bắp: đâm kim nhanh 60°- 90° so với mặt da | | | | | | | | |  | |
| 16 | Rút nhẹ nòng bơm tiêm thấy không có máu thì bơm thuốc từ từ, đồng thời quan sát sắc mặt NB, tốc độ tiêm bắp 1ml/10 giây | | | | | | | | |  | |
| 17 | Khi hết thuốc căng da rút kim nhanh, cho ngay bơm kim tiêm vào hộp an toàn. Trường hợp vị trí tiêm chỷ máu hoặc rỉ thuốc thì đè áp lực trong vòng 30 giây hoặc khi không thấy chảy máu ra nữa | | | | | | | | |  | |
| 18 | Dùng bông khô đè lên vị trí tiêm trong vòng 30 giây đề phòng chảy máu | | | | | | | | |  | |
| 19 | Giúp người bệnh về tư thế thoải mái, hướng dẫn những điều cần thiết. | | | | | | | | |  | |
| 20 | Thu dọn dụng cụ, rửa tay. | | | | | | | | |  | |
| 21 | Ghi hồ sơ. | | | | | | | | |  | |
|  |  |  | | | | | | | |  | |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | |  | |
|  |  |  | | | | | | | |  | |
|  |  |  | | | | | | | |  | |
| TTYT QUỲ CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 05: KỸ THUẬT TIÊM TĨNH MẠCH ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | |  | |
|  | |  | |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | |  | |
| 1 | Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ | | | | | | | | |  | |
| 2 | Mang phương tiện phòng hộ cá nhân thích hợp | | | | | | | | |  | |
| 3 | Kiểm tra y lệnh | | | | | | | | |  | |
| 4 | Xác định đúng người bệnh-Thông báo giải thích | | | | | | | | |  | |
| 5 | Kiểm tra thuốc lần 1, đối chiếu với y lệnh về tên thuốc, liều tiêm, đường tiêm, thời gian tiêm thuốc. | | | | | | | | |  | |
| 6 | Rửa tay thường quy/sát khuẩn tay nhanh | | | | | | | | |  | |
| 7 | Kiểm tra thuốc lần 2, sát khuẩn ống thuốc, ống nước cất (trường hợp pha thuốc), dùng gạc vô khuẩn bẻ ống thuốc (đối với loại ống nhựa dùng panh xoay nắp). | | | | | | | | |  | |
| 8 | Xé vỏ bao bơm tiêm và thay kim lấy thuốc. Pha thuốc(nếu có). | | | | | | | | |  | |
| 9 | Rút thuốc vào bơm tiêm. Kiểm tra lại ống/lọ thuốc trước khi cô lập vào thùng đựng chất thải. | | | | | | | | |  | |
| 10 | Thay kim tiêm, cho vào bao vừa đựng bơm tiêm vô khuẩn | | | | | | | | |  | |
| 11 | Bộc lộ vùng tiêm, xác định vị trí tiêm | | | | | | | | |  | |
| 12 | Đặt gối kê tay dưới vùng tiêm (nếu cần), buộc dây garo trên vị trí tiêm từ 10-15 cm. | | | | | | | | |  | |
| 13 | Sát khuẩn tay điều dưỡng và mang găng tay sạch *(chỉ sử dụng găng khi có nguy cơ phơi nhiễm với máu hoặc da tay NVYT bị tổn thương)* | | | | | | | | |  | |
| 14 | Sát khuẩn sạch vùng tiêm từ trong ra ngoài theo đường xoáy ốc (tối thiểu 2 lần) bằng cồn 70°. | | | | | | | | |  | |
| 15 | Cầm bơm tiêm, đuổi khí lại (nếu cần) | | | | | | | | |  | |
| 16 | Căng da, đâm kim chếch 30° so với mặt da và đẩy kim vào tĩnh mạch. | | | | | | | | |  | |
| 17 | Kiểm tra có máu vào bơm tiêm, tháo dây garo. | | | | | | | | |  | |
| 18 | Bơm thuốc từ từ đồng thời quan sát sắc mặt người bệnh,vị trí tiêm có phồng không | | | | | | | | |  | |
| 19 | Hết thuốc, căng da rút kim nhanh, kéo chệc da nơi tiêm, cho bơm kim tiêm vào hộp an toàn | | | | | | | | |  | |
| 20 | Đặt bông khô vào vị trí tiêm cầm máu. | | | | | | | | |  | |
| 21 | Tháo găng bỏ vào vật đựng chất thải lây nhiễm | | | | | | | | |  | |
| 23 | Giúp người bệnh về tư thế thoải mái, hướng dẫn những điều cần thiết. | | | | | | | | |  | |
| 24 | Thu dọn dụng cụ, rửa tay | | | | | | | | |  | |
| 24 | Ghi phiếu theo dõi chăm sóc. | | | | | | | | |  | |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | |  | |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 06: KỸ THUẬT TRUYỀN DỊCH TĨNH MẠCH ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | |  | |
|  | | | | | | |  | | | |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ | | | | | | | | | | |  |
| 2 | Mang phương tiện phòng hộ cá nhân thích hợp | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Kiểm tra y lệnh | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Xác định đúng người bệnh-Thông báo giải thích | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Rửa tay thường quy/sát khuẩn tay nhanh | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Căt băng dính, kiểm tra dịch truyền, sát khuẩn nút chai, pha thuốc (nếu cần) | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Khóa dây truyền, cắm dây truyền vào chai dịch | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Treo chai lên cọc, cho dịch chảy đầy 2/3 bầu đếm giọt, đuổi khí, khóa lại, đầu kim truyền để vào bao đựng dây truyền dịch. | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Bộc lộ vùng truyền, chọn tĩnh mạch, đặt gối kê tay dưới vùng truyền (nếu cần), buộc dây garo trên vùng truyền 3-5cm. | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Sát khuẩn tay và mang găng tay sạch *(chỉ sử dụng găng khi có nguy cơ phơi nhiễm với máu hoặc da tay NVYT bị tổn thương)* | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Sát khuẩn sạch vùng tiêm từ trong ra ngoài theo đường xoáy ốc rộng 5-6cm (tối thiểu 2 lần) | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Căng da, đâm kim chếch 30° so với mặt da và đẩy kim vào tĩnh mạch. | | | | | | | | | | |  |
| 13 | Kiểm tra có máu vào bơm tiêm, tháo dây garo. | | | | | | | | | | |  |
| 14 | Mở khóa cho dịch chảy để thông kim | | | | | | | | | | |  |
| 15 | Cố định đốc kim, che và cố định thân kim bằng gạc vô khuẩn hoặc băng dính trong, cố định dây truyền bằng băng dính | | | | | | | | | | |  |
| 16 | Tháo găng bỏ vào vật đựng chất thải lây nhiễm | | | | | | | | | | |  |
| 17 | Rút gối kê tay, dây garo, cố định tay NB nếu cần | | | | | | | | | | |  |
| 18 | Điều chỉnh tốc độ dịch chảy theo y lệnh | | | | | | | | | | |  |
| 19 | Hướng dẫn NB, người nhà NB những điều cần thiết | | | | | | | | | | |  |
| 20 | Thu dọn dụng cụ, rửa tay | | | | | | | | | | |  |
| 21 | Ghi phiếu theo dõi truyền dịch, chăm sóc. | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 07: KỸ THUẬT LẤY MÁU LÀM XÉT NGHIỆM ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
|  | |  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ | | | | | | | | | | |  |
| 2 | Điều dưỡng/kỹ thuật viên trang phục và phương tiện PHCN thích hợp | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Xem tờ chỉ định của bác sĩ | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Rửa tay | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Chuẩn bị dụng cụ (bơm kim tiêm thích hợp, ống nghiệm ghi thông tin người bệnh, bông cầu, dây garo, giá đựng ống nghiệm...) | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Xác định chính xác người bệnh. Báo và giải thích người bệnh, hỏi người bệnh đã ăn gì chưa (nếu cần). | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Người bệnh tư thế thuận tiện. | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Bộc lộ vùng chuẩn bị lấy máu. | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Chọn tĩnh mạch. | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Đặt gối kê tay. | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Cột garo phía trên nơi tiêm 10-15 cm. | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Mang găng tay sạch. | | | | | | | | | | |  |
| 13 | Sát khuẩn rộng vùng da nơi chuẩn bị lấy máu theo hình trôn ốc rộng 10-15mm (tối thiểu 2 lần). | | | | | | | | | | |  |
| 14 | Thử bơm tiêm, cầm bơm tiêm xuyên nhanh qua da vào tĩnh mạch với góc 15°- 30° lấy đủ lượng máu cần lấy, vừa lấy máu vừa quan sát sắc mặt người bệnh. | | | | | | | | | | |  |
| 15 | Tháo garo, rút kim nhanh. | | | | | | | | | | |  |
| 16 | Ấn nhẹ bông khô lên vị trí đâm kim. | | | | | | | | | | |  |
| 17 | Tháo kim, bơm máu nhẹ nhàng vào ống nghiệm, lắc nhẹ ống nghiệm nếu có chất chống đông, để ống nghiệm vào giá đựng bệnh phẩm. | | | | | | | | | | |  |
| 18 | Báo cho người bệnh việc đã xong, dặn dò người bệnh những điều cần thiết. | | | | | | | | | | |  |
| 19 | Thu dọn dụng cụ | | | | | | | | | | |  |
| 20 | Tháo găng, rửa tay | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 08: KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH THỞ OXY GỌNG KÍNH ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
|  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Điều dưỡng rửa tay, đội mũ, đeo khẩu trang. | | | | | | | | | | |  |
| 2 | Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ, vô khuẩn. | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Kiểm tra sự hoạt động của toàn bộ hệ thống oxy. | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Giải thích cho người bệnh hiểu về thủ thuật sắp làm( nếu người bệnh tỉnh).Đặt người bệnh nằm tư thế đầu cao. | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Hút đờm dãi (nếu cần). Vệ sinh mũi miệng người bệnh. | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Lắp ống thông oxy hai đường( gọng kính) vào hệ thống oxy và mở van điều chỉnh, kiểm tra sự hoạt động của toàn bộ hệ thống . | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Đưa ống thông oxy hai đường( gọng kính) vào hai lỗ mũi của người bệnh đúng kỹ thuật. | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Cố định đầu ống thông bằng cách đeo hai dây dẫn oxy vào hai bên vành tai và cột hai dây vào dưới cằm của người bệnh. | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Điều chỉnh lại lưu lượng oxy đúng chỉ định. | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Quan sát tình trạng người bệnh. | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Thu dọn dụng cụ. | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Ghi chép vào hồ sơ những nội dung cần thiết. | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| |  | | --- | | TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | | | **QUY TRÌNH 09: KỸ THUẬT THỞ OXY QUA MASK ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
|  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang, rửa tay. | | | | | | | | | | |  |
| 2 | Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ, vô khuẩn. | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Kiểm tra sự hoạt động của toàn bộ hệ thống oxy. | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Giải thích cho người bệnh hiểu về thủ thuật sắp làm( nếu người bệnh tỉnh).Đặt người bệnh nằm tư thế đầu cao. | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Hút đờm dãi (nếu cần). Vệ sinh mũi miệng người bệnh. | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Lắp mask vào hệ thống oxy và mở van điều chỉnh, kiểm tra sự hoạt động của toàn bộ hệ thống , thử trên mu bàn tay xem có oxy không. | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Điều chỉnh lại lưu lượng oxy đúng chỉ định. | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Nhẹ nhàng áp mặt nạ từ phía mũi xuống miệng, điều chỉnh cho khít vào mặt người bệnh. | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Cố định mặt nạ. | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Quan sát tình trạng người bệnh. | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Thu dọn dụng cụ. | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Ghi chép vào hồ sơ những nội dung cần thiết. | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 10: KỸ THUẬT GHI ĐIỆN TÂM ĐỒ ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
|  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Xác định đúng người bệnh | | | | | | | | | | |  |
| 2 | Thông báo cho người bệnh về thủ thuật | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Để NB nằm ngửa,thẳng, hướng dẫn hoặc giúp NB những điều cần thiết | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Điều dưỡng trang phục, PHCN đúng quy định | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Rửa tay | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Chuẩn bị máy ghi điện tim phù hợp | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Lấy đầy đủ các điện cực để ghi điện tim | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Lấy gạc vô khuẩn, bông cầu và cồn 70° sát khuẩn da NB | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Dùng gel bôi vào các vị trí chuẩn bị gắn điện cực | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Gắn 10 dây dẫn từ máy vào các điện cực tương ứng | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Kiểm tra lại dây dẫn và các điện cực | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Nhắc nhở NB yên tâm không vận động khi điện tim | | | | | | | | | | |  |
| 13 | Nhập thông tin NB vào máy | | | | | | | | | | |  |
| 14 | Làm test về thời gian và biên độ để lấy sóng chuẩn | | | | | | | | | | |  |
| 15 | Nếu thấy có sóng bất thường kiểm tra lại các điện cực, dây dẫn | | | | | | | | | | |  |
| 16 | Động viên người bệnh | | | | | | | | | | |  |
| 17 | Ấn nút Print để in kết quả, ghi thêm các thông tin cần thiết vào kết quả nếu cần | | | | | | | | | | |  |
| 18 | Thông báo cho người bệnh việc đã xong | | | | | | | | | | |  |
| 19 | Tháo các điện cực, vệ sinh da người bệnh | | | | | | | | | | |  |
| 20 | Giúp NB chỉnh lại trang phục nếu cần | | | | | | | | | | |  |
| 21 | Vệ sinh các điện cực, sắp xếp lại các điện cực và dụng cụ theo quy định | | | | | | | | | | |  |
| 22 | Rửa tay thường quy hoặc sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn | | | | | | | | | | |  |
| 13 | Ghim kết quả vào phiếu chỉ định, trả kết quả cho NB nếu NB ngoại trú, dán vào hồ sơ bệnh án nếu NB nội trú | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| |  | | --- | | TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | | **QUY TRÌNH 11:KỸ THUẬT PHÂN TÍCH CÔNG THỨC MÁU 18 THÔNG SỐ ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Kiểm tra máy | | | | | | | | | | |  |
| 2 | Rửa tay, đeo găng tay | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Đối chiếu thông tin người bệnh, số thứ tự trong phiếu xét nghiệm với lọ đựng bệnh phẩm trùng khớp nhau | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Lắc đều lọ bệnh phẩm 3 lần | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Đưa lọ bệnh phẩm vào làm ngập hết kim hút mẫu | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Ấn nút để chạy mẫu bệnh phẩm | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Chờ máy báo hiệu và đưa lọ bệnh phẩm ra khỏi kim | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Chờ máy in kết quả | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Vệ sinh máy, xử lý bệnh phẩm | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Tháo găng tay, rửa tay | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Ghim kết quả vào giấy xét nghiệm của người bệnh | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| |  | | --- | | TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | | **QUY TRÌNH 12: KỸ THUẬT ĐỊNH NHÓM MÁU ABO TRÊN LAM KÍNH BẰNG HUYẾT THANH MẪU ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Đội mũ, mang khẩu trang, đi găng tay | | | | | | | | | | |  |
| 2 | Đối chiếu thông tin người bệnh trên týp máu cần thử khớp với thông tin trên phiếu chỉ định xét nghiệm | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Chuẩn bị lam kính với ba vị trí: 1,2, 3 | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Lắp đầu côn vào pipet để hút mẫu máu | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Nhỏ vào các vị trí 1,2,3 mỗi vị trí 1 giọt máu | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Nhỏ vào vị trí 1,2,3 mỗi vị trí 1 giọt huyết thanh mẫu tương ứng | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Dùng lam kính đánh đều huyết thanh mẫu và máu vào nhau ở mỗi vị trí | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Đọc kết quả: dựa trên hiện tượng ngưng kết hoặc không ngưng kết. | | | | | | | | | | |  |
| - Nếu ngưng kết: các hồng cầu sẽ đứng chụm lại với nhau thành một đám hoặc nhiều đám | | | | | | | | | | |  |
| - Nếu không ngưng kết: các hồng cầu đứng rời rạc | | | | | | | | | | |  |
| **Trường hợp Anti A Anti B Anti AB Nhóm máu** | | | | | | | | | | |  |
| **1 (+) (+) (+) AB** | | | | | | | | | | |  |
| **2 (+) (-) (+) A** | | | | | | | | | | |  |
| **3 (-) (+) (+) B** | | | | | | | | | | |  |
|  |
| **4 (-) (-) (-) O** | | | | | | | | | | |
| 9 | Thu dọn dụng cụ, xử lý bệnh phẩm | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Tháo găng, rửa tay | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Ghi kết quả đọc được vào phiếu | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 13: KỸ THUẬT CHỤP PHỔI THẲNG ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
|  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | **Chuẩn bị dụng cụ:** |  | | | | | | | | | |  |
| Kiểm tra tình trạng hoạt động của máy | | | | | | | | | | |  |
| Phim cỡ 10x12” với trẻ em và 14x17” với người lớn | | | | | | | | | | |  |
| Ghi giữ phim | | | | | | | | | | |  |
| 2 | **Chuẩn bị người bệnh** | | | | | | | | | | |  |
| Họ và tên người bệnh, dấu phải hoặc trái, ngày tháng, năm | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Gọi họ tên người bệnh vào phòng chụp, tiếp xúc, giải thích động viên, hướng dẫn người bệnh tháo đồ trang sức,(nếu có) | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Đặt dọc phim trên gi Xquang,cố định đường dọc tia X vào giữa phim theo chiều ngang | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Người bệnh đứng trước giá giữ phim, mặt người bệnh quay về phía giá giữ phim, ngực người bệnh áp sát phim | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Hai chân đứng thẳng, 2 tay người bệnh chống hông, khuỷu tay gấp, dùng sức xoay hai vai và khuỷu tay về phía trước về mặt trước của vai sát phim. Mặt người bệnh và tỳ lên cạnh trên của casset chỉnh cạnh trên của casset cao hơn mặt trên của vai 5 cm | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Chỉnh trục cột sống lưng vào giữa phim theo chiều dọc | | | | | | | | | | |  |
| 8 | **Tia trung tâm:** | | | | | | | | | | |  |
| Bóng Xquang ngang vuông góc với phim | | | | | | | | | | |  |
| Tia trung tâm khu trú vào ngang đốt sống lưng D6, đường ngang của tia X qua đường nối hai bờ trên của hõm nách. Đối với phụ nữ, người bệnh to béo tia trung tâm có thể khu trú vào ngang D8 | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Khoảng cách bóng - phim 1 mét, khu trú chùm tia X, đặt dấu F hoặc T | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Căn dặn người bệnh giữ nguyên tư thế | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Tiêu chuẩn chụp: U= 90 -100 KV, I = 200 mA, t = 0,012 -0,025s, có lứới chống mờ | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Kiểm tra lại các núm trên tủ điều khiển, quan sát người bệnh qua kính | | | | | | | | | | |  |
| 13 | Ấn núm phát tia X khi người bệnh nín thở sau khi hít hơi. | | | | | | | | | | |  |
| 14 | Mời người bệnh ra ngoài phòng chờ, lấy cassette rửa phim | | | | | | | | | | |  |
| 15 | **Đánh giá kết quả** | | | | | | | | | | |  |
| Lấy được toàn bộ xương còn hai trường phổi, trục cột sống lưng vào giữa phim theo chiều dọc | | | | | | | | | | |  |
| Đầu trong của xương đòn đối xứng với nhau qua gai sau đốt sống | | | | | | | | | | |  |
| Hai xương bả vai tách được ra khỏi lồng ngực, thấy rõ 3 đốt sống ngực đầu tiên trên phim | | | | | | | | | | |  |
| Phim có độ nét , độ tương phản, phim sạch không bị xước | | | | | | | | | | |  |
| Phim có họ và tên người bệnh , dấu F hoặc T , ngày tháng năm chụp | | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | **QUY TRÌNH 14: KỸ THUẬT CHỤP CỘT SỐNG THẮT LƯNG THẲNG ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | **Chuẩn bị dụng cụ:** | | | | | | | | | | |  |
| Kiểm tra tình trạng hoạt động của máy | | | | | | | | | | |  |
| Phim cỡ 25x30” | | | | | | | | | | |  |
| Lưới chống mờ, bao cát ( Trẻ nhỏ ), l chắn chì | | | | | | | | | | |  |
| 2 | **Chuẩn bị người bệnh** | | | | | | | | | | |  |
| Họ và tên người bệnh, dấu phải hoặc trái, ngày tháng năm | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Gọi họ tên người bệnh vào phòng chụp, tiếp xúc, giải thích động viên, hướng dẫn người bệnh bộc lộ vùng cần chụp. | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Phim và lưới chống mờ đặt dọc trên bàn hoặc dưới bàn Xquang,dùng l chắn chì ngăn đôi phim hoặc khu trú chùm tia X ,chỉnh tia trung tâm vào giữa phim. | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Người bệnh nằm ngửa trên bàn, lưng người bệnh sát phim | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Hai chân người bệnh co nhẹ, đầu gối gấp và đặt hai bàn chân sát bàn. Hai tay người bệnh xuôi theo cơ thể | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Chỉnh trục cột sống thắt lưng vào giữa phim theo chiều dọc, đường nối giữa gai chậu trước trên song song với phim | | | | | | | | | | |  |
| 8 | **Tia trung tâm:** | | | | | | | | | | |  |
| Bóng Xquang chiếu thẳng từ trên xuống vuông góc với phim. | | | | | | | | | | |  |
| Tia trung tâm khu trú vào ngang đốt sống lưng 3 – 4 .Trên thực tế tia trung tâm khu trú vào điểm giữa đường nối liền 2 mào chậu lên phía trên khoảng 2 cm, đường dọc của tia x theo đường trắng giữa bụng và tia ra trung tâm phim. | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Khoảng cách bóng - phim 1 mét, khu trú chùm tia X, đặt dấu F hoặc T | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Căn dặn người bệnh giữ nguyên tư thế. | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Tiêu chuẩn chụp: U= 95 -100 KV, I = 200 – 250 mA, t = 0,2- 0,25s, có lưới chống mờ. | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Kiểm tra lại các núm trên tủ điều khiển, quan sát người bệnh qua kính, ấn núm phát tia X . | | | | | | | | | | |  |
| 13 | Mời người bệnh ra ngoài phòng chờ, lấy cassette rửa phim. | | | | | | | | | | |  |
| 14 | **Đánh giá kết quả** | | | | | | | | | | |  |
| Lấy được toàn bộ cột sống thắt lưng vào giữa phim theo chiều dọc và ở tư thế thẳng từ D11 – D12 đến cùng cụt | | | | | | | | | | |  |
| Thấy rõ khe khớp háng và cột sống thắt lưng | | | | | | | | | | |  |
| Phim có độ nét , độ tương phản, phim sạch không bị xước | | | | | | | | | | |  |
| Phim có họ và tên bệnh nhân , dấu F hoặc T , ngày tháng năm chụp | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
| |  | | --- | | TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | | **QUY TRÌNH 15: KỸ THUẬT CHỤP XOANG MẶT TƯ THẾ BLONDEAU ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | **Chuẩn bị dụng cụ:** | | | | | | | | | | |  |
| Kiểm tra tình trạng hoạt động của máy | | | | | | | | | | |  |
| Phim cỡ 10x12” | | | | | | | | | | |  |
| Lưới chống mờ, gối đệm | | | | | | | | | | |  |
| Họ và tên người bệnh , dấu phải hoặc trái, ngày tháng năm | | | | | | | | | | |  |
| 2 | **Chuẩn bị người bệnh:** | | | | | | | | | | |  |
| Gọi họ tên người bệnh vào phòng chụp, tiếp xúc, giải thích động viên, hướng dẫn bênh nhân tháo đồ trang sức, hoa tai và tháo búi tóc (nếu có) | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Đặt dọc phim và lưới chống mờ trên bàn Xquang, chỉnh đường dọc tia X vào giữa phim theo chiều dọc | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Hướng dẫn người bệnh nằm sấp trên bàn , hai chân duỗi thẳng, hai tay chống tương ứng ngang bờ vai | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Miệng người bệnh há vừa phải, mặt bệnh nhân áp sát phim sao cho cằm – miệng sát phim, cằm tỳ lên phim nhiều hơn, ngực người bệnh lót đệm bằng gối mỏng | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Mặt người bệnh ngửa nhẹ để đầu mũi cách mặt phim 1,5 – 2 cm | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Chỉnh mặt phẳng chính diện vuông góc với phim và vào giữa phim theo chiều dọc. Điểm nhân chung vào giữa phim | | | | | | | | | | |  |
| 8 | **Tia trung tâm:** | | | | | | | | | | |  |
| Bóng Xquang chiếu thẳng từ trên xuống vuông góc với phim | | | | | | | | | | |  |
| Tia trung tâm khu trú vào điểm trên ụ chẩm ngoài, tia X chiếu qua điểm nhân trung và tia ra vào giữa phim | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Khoảng cách bóng- phim 1 mét, khu trú chùm tia X, đặt tên dấu F hoặc T | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Căn dặn bênh nhân giữa nguyên tư thế | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Tiêu chuẩn chụp: U= 85 KV, I = 200mA, t = 0,2s, có lưới chống mờ. | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Kiểm tra lại các núm trên tủ điều khiển, quan sát người bệnh qua kính, ấn núm phát tia X | | | | | | | | | | |  |
| 13 | Mời người bệnh ra ngoài phòng chờ, lấy cassette rửa phim | | | | | | | | | | |  |
| 14 | **Đánh giá kết quả** | | | | | | | | | | |  |
| Khối mặt chuyển lên trên | | | | | | | | | | |  |
| Nền sọ và xương chẩm chuyển xuống dưới | | | | | | | | | | |  |
| Bờ trên xương nằm nằm phía dưới xoang hàm 2 bên | | | | | | | | | | |  |
| Vách ngăn mũi vào giữa phim theo chiều dọc | | | | | | | | | | |  |
| Hốc mắt và các xoang 2 bên cân đối | | | | | | | | | | |  |
| Phim có độ nét , độ tương phản, phim sạch không bị xước | | | | | | | | | | |  |
| Phim có họ và tên bênh nhân , dấu F hoặc T , ngày tháng năm chụp | | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
| |  | | --- | | TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | | **QUY TRÌNH 16: KỸ THUẬT CHỤP CẲNG TAY THẲNG  ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | **Chuẩn bị dụng cụ:** | | | | | | | | | | |  |
| Kiểm tra tình trạng hoạt động của máy | | | | | | | | | | |  |
| Phim cỡ 14x17” | | | | | | | | | | |  |
| Lá chắn chì, bao cát , ghế ngồi. | | | | | | | | | | |  |
| Họ và tên người bệnh, dấu phải hoặc trái, ngày tháng năm | | | | | | | | | | |  |
| 2 | **Chuẩn bị người bệnh** | | | | | | | | | | |  |
| Gọi họ tên người bệnh vào phòng chụp, tiếp xúc, giải thích động viên, bộc lộ vùng cần chụp | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Đặt dọc phim trên bàn máy Xquang, dùng l chắn chì ngăn đôi phim theo chiều dọc và đặt chiếc ghế cạnh đầu bàn máy. | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Hướng dẫn người bệnh ngồi trên ghế cạnh đầu bàn máy hoạc nằm ngửa trên bàn máy. | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Cẳng tay bên cần chụp duỗi thẳng, mặt mặt sau cẳng tay sát phim và vào giữa phim theo chiều dọc, lòng bàn tay ngửa | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Người bênh ngả nhẹ về bên chụp. | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Chỉnh trục nối 2 mỏm trâm quay – trụ và trục lồi cầu – ròng rọc song song với phim | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Cố định một bao cát nhỏ ở cẳng tay đối với trẻ nhỏ. | | | | | | | | | | |  |
| 9 | **Tia trung tâm:** | | | | | | | | | | |  |
| Bóng Xquang chiều thẳng từ trên xuống vuông góc với phim. | | | | | | | | | | |  |
| Tia trung tâm khu trú vào điểm cẳng tay, đường dọc của tia X đi theo trục giữa xương quay và xương trụ và tia ra vào giữa phim | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Khoảng cách bóng- phim 1 mét, khu trú chùm tia X, đặt dấu F hoặc T | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Căn dặn người bệnh giữ nguyên tư thế | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Tiêu chuẩn chụp: U= 55KV, I = 100 mA, t = 0,01s, không có lưới chống mờ. | | | | | | | | | | |  |
| 13 | Kiểm tra lại các núm trên tủ điều khiển, quan sát người bệnh qua kính, ấn núm phát tia X | | | | | | | | | | |  |
| 14 | Mời người bệnh ra ngoài phòng chờ, lấy cassette rửa phim | | | | | | | | | | |  |
| 15 | **Đánh giá kết quả** | | | | | | | | | | |  |
| Lấy được toàn bộ 2 xương cẳng tay ở hướng thẳng và 2 khớp ( khớp khuỷu và khớp cổ tay ) ít nhất là 1 khớp gần nơi tổn thương. | | | | | | | | | | |  |
| Hai xương cẳng tay không chồng lên nhau | | | | | | | | | | |  |
| Phim có độ nét , độ tương phản, phim sạch không bị xước | | | | | | | | | | |  |
| Phim có họ và tên người bệnh , dấu F hoặc T , ngày tháng năm chụp | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**   |  | | --- | |  | | | **QUY TRÌNH 17: KỸ THUẬT CHỤP Ổ BỤNG KHÔNG CHUẨN BỊ ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
|  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | **Chuẩn bị dụng cụ:** | | | | | | | | | | |  |
| Kiểm tra tình trạng hoạt động của máy | | | | | | | | | | |  |
| Phim cỡ 10x12” với trẻ em và 14x17” với người lớn | | | | | | | | | | |  |
| Giá giữ phim | | | | | | | | | | |  |
| Họ và tên người bệnh, dấu phải hoặc trái, ngày tháng năm | | | | | | | | | | |  |
| 2 | **Chuẩn bị người bệnh** | | | | | | | | | | |  |
| Gọi họ tên người bệnh vào phòng chụp, tiếp xúc, giải thích động viên, hướng dẫn người bệnh bộc lộ vùng cần chụp. | | | | | | | | | | |  |
| Đặt dọc phim trên gi Xquang, cố định đường dọc tia X vào giữa phim theo chiều ngang | | | | | | | | | | |  |
| Hướng dẫn người bệnh ứng trước gi giữ phim, đặt người bệnh quay về phía giá giữ phim. | | | | | | | | | | |  |
| Chỉnh trục cột sống lưng vào giữa phim theo chiều dọc, đường nối hai gai chậu trước trên song song với phim, cạnh dưới của Cassette ngang với khớp mu hoặc cạnh trên ngang trên vú khoảng 2cm (nam giới). | | | | | | | | | | |  |
| 3 | **Tia trung tâm:** | | | | | | | | | | |  |
| Bóng Xquang ngang vuông góc với phim | | | | | | | | | | |  |
| Tia trung tâm khu trú vào điểm trên điểm giữa đường nối giữa hai mào chậu 2 khoát ngón tay, đường dọc của tia X đi theo đường trắng giữa bụng và tia vào giữa phim. | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Khoảng cách bóng - phim 1 mét, khu trú chùm tia X, dấu F hoặc T | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Căn dặn người bệnh giữa nguyên tư thế | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Tiêu chuẩn chụp: U= 95-100 KV, I = 200- 250 mA, t= 0,2- 0,25s, có lưới chống mờ. | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Kiểm tra lại các núm trên tủ điều khiển, quan sát người bệnh qua kính, ấn núm phát tia X khi người bệnh nín thở sau khi hít hơi | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Mời người bệnh ra ngoài phòng chờ, lấy cassette rửa phim | | | | | | | | | | |  |
| 9 | **Đánh giá kết quả** | | | | | | | | | | |  |
| Lấy được toàn bộ ổ bụng ở tư thế đứng thẳng, phía trên phim lấy được vòm hoành hai bên, phía dưới phim là khớp mu. | | | | | | | | | | |  |
| Trục cột sống thắt lưng vào giữa phim theo chiều dọc. | | | | | | | | | | |  |
| Phim có độ nét , độ tương phản, phim sạch không bị xước | | | | | | | | | | |  |
| Phim có họ và tên bệnh nhân , dấu F hoặc T , ngày tháng năm chụp | | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
| |  | | --- | | TTYT QUỲ CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG** | | | **QUY TRÌNH 18: KỸ THUẬT CỐ ĐỊNH GÃY XƯƠNG CẲNG TAY ( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
|  |  |  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang | | | | | | | | | | |  |
| 2 | Kiểm tra dụng cụ | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Đặt người bệnh ngồi hoặc nằm tư thế thuận tiện | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Quan sát toàn trạng người bệnh và xác định vị trí xương gãy | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Giải thích, động viên người bệnh | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Để tay người bệnh ở tư thế cơ năng | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Hướng dẫn người bệnh tay lành đỡ tay đau | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Đặt 2 nẹp đúng quy định | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Đệm bông đúng vị trí | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Buộc 1 dây trên ổ gãy | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Buộc 1 dây dưới ổ gãy | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Buộc 1 dây ở bàn tay | | | | | | | | | | |  |
| 13 | Dùng khăn tam giác hoặc băng treo tay nạn nhân lên cổ | | | | | | | | | | |  |
| 14 | Kiểm tra tuần hoàn đầu chi | | | | | | | | | | |  |
| 15 | Viết phiếu chuyển thương, chuyển người bệnh đến cơ sở điều trị | | | | | | | | | | |  |
| 16 | Thu dọn dụng cụ | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
| TTYT QÙY CHÂU  **PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**   |  | | --- | |  | | | **QUY TRÌNH 19: KỸ THUẬT CỐ ĐỊNH GÃY XƯƠNG CẲNG CHÂN**  **( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày / / 2020)** | | | | | | | | | |  |
|  |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang | | | | | | | | | | |  |
| 2 | Kiểm tra dụng cụ | | | | | | | | | | |  |
| 3 | Đặt người bệnh nằm ngửa trên nền cứng, chân hơi dạng, giải thích, động viên người bệnh yên tâm | | | | | | | | | | |  |
| 4 | Hướng dẫn người phụ 1: Ngồi dưới chân người bệnh, một chân quỳ, một chân chống, một tay đỡ gót, một tay đẩy bàn chân vuông góc với cẳng chân | | | | | | | | | | |  |
| 5 | Hướng dẫn người phụ 2: Ngồi bên chi lành, giữ nẹp và nâng đỡ chi gãy của người bệnh | | | | | | | | | | |  |
| 6 | Đặt nẹp ngoài, trong từ giữa xương đùi đến quá gót chân | | | | | | | | | | |  |
| 7 | Đệm bông không thấm nước ở đầu gối, mắt cá chân | | | | | | | | | | |  |
| 8 | Đặt giải băng trên, dưới ổ gãy, và trên khớp gối, cố định | | | | | | | | | | |  |
| 9 | Dùng cuộn băng băng bàn chân vuông góc với cẳng chân | | | | | | | | | | |  |
| 10 | Đặt giải băng ngang hai gối, hai cổ chân và cố định | | | | | | | | | | |  |
| 11 | Kiểm tra tuần hoàn đầu chi | | | | | | | | | | |  |
| 12 | Viết phiếu chuyển thương, chuyển người bệnh đến cơ sở điều trị | | | | | | | | | | |  |
|  | Thu dọn dụng cụ | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  | | | | | | | | | |  |
|  |  | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG | | | | | | | | | |  |

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

QUY TRÌNH 20: KỸ THUẬT RỬA DẠ DÀY

( kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** |
| **1** | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| **2** | Kiểm tra dụng cụ |
| **3** | Giải thích cho người bệnh biết việc sắp làm và dặn những điều cần thiết |
| **4** | Đặt người bệnh ngồi hoặc nằm tư thế thuận lợi, quàng ni lông, đặt chậu đựng chất thải |
| **5** | Hướng dẫn người phụ giúp khi người bệnh nôn |
| **6** | Mở khay vô khuẩn, mang găng |
| **7** | Cầm ống faucher đo và đánh dấu, bôi trơn đầu ống |
| **8** | Đưa ống vào mũi hoặc miệng người bệnh đến vạch đánh dấu, xác định đầu ống thông đã đến dạ dày |
| **9** | Để phễu rửa dạ dày ngang miệng, đổ 300-500ml nước, úp nhanh phễu xuống khi nước còn khoảng 1/3 phễu. |
| **10** | Rửa nhiều lần khi nước chảy ra trong là được |
| **11** | Rút ống thông, cho người bệnh súc miệng và lau miệng |
| **12** | Bỏ ni lông, tháo găng tay, giúp người bệnh nằm lại tư thế thoải mái |
| **13** | Thu dọn dụng cụ, ghi hồ sơ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

QUY TRÌNH 21: KỸ THUẬT THÔNG TIỂU NAM

( kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** |
| **1** | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| **2** | Xem y lệnh, đối chiếu với người bệnh |
| **3** | Kiểm tra dụng cụ |
| **4** | Giải thích, động viên cho người bệnh yên tâm, đặt người bệnh nằm ngửa, trải ni lông dưới mông |
| **5** | Bỏ quần, phủ săng có lỗ lên bộ phận sinh dục, để 2 chân chống, đùi hơi dạng. |
| **6** | Đặt khay quả đậu giữa 2 chân người bệnh |
| **7** | Điều dưỡng sát khuẩn tay, mở khay vô khuẩn, mang găng |
| **8** | Lót gạc đưa dương vật dựng đứng để lộ bao quy đầu, sát khuẩn bộ phận sinh dục ngoài bằng dung dịch Betadin |
| **9** | Bôi trơn đầu ống thông, kẹp đầu ngoài ống thông đặt vào khay quả đậu |
| **10** | Đưa đầu ống thông vào niệu đạo 15-20cm, nước tiểu chảy ra, lấy nước tiểu ở giữa bãi( nếu có y lệnh xét nghiệm) |
| **11** | Để nước tiểu chảy ra gần hết, gập đầu ống thông rút ra, bỏ săng có lỗ, lau khô vùng sinh dục |
| **12** | Bỏ ni lông, tháo găng tay,mặc quần và giúp người bệnh nằm lại thoải mái |
| **13** | Thu dọn dụng cụ, ghi hồ sơ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

QUY TRÌNH 22: KỸ THUẬT THÔNG TIỂU NỮ

( kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** |
| **1** | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| **2** | Xem y lệnh, đối chiếu với người bệnh |
| **3** | Kiểm tra dụng cụ |
| **4** | Giải thích, động viên cho người bệnh yên tâm, đặt người bệnh nằm ngửa, trải ni lông dưới mông |
| **5** | Bỏ quần, phủ săng có lỗ lên bộ phận sinh dục, để 2 chân chống, đùi hơi dạng. |
| **6** | Đặt khay quả đậu giữa 2 chân người bệnh |
| **7** | Điều dưỡng sát khuẩn tay, mở khay vô khuẩn, mang găng |
| **8** | Đặt gạc bờ trên xương mu, sát khuẩn bộ phận sinh dục ngoài bằng dung dịch Betadin |
| **9** | Bôi trơn đầu ống thông, kẹp đầu ngoài ống thông đặt vào khay quả đậu |
| **10** | Đưa đầu ống thông vào niệu đạo 4cm-5cm, nước tiểu chảy ra, lấy nước tiểu ở giữa bãi( nếu có y lệnh xét nghiệm) |
| **11** | Để nước tiểu chảy ra gần hết, gập đầu ống thông rút ra, bỏ săng có lỗ, lau khô vùng sinh dục |
| **12** | Bỏ ni lông, tháo găng tay,mặc quần và giúp người bệnh nằm lại thoải mái |
| **13** | Thu dọn dụng cụ, ghi hồ sơ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

QUY TRÌNH 23: KỸ THUẬT RỬA TAY THƯỜNG QUY

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Các bước tiến hành** |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| 2 | Mở vòi nước làm ướt tay lấy 3-5ml dung dịch rửa tay hoặc chà bánh xà phòng lên lòng và mu hai bàn tay. Xoa hai lòng bàn tay vào nhau cho dung dịch hoặc xà phòng dàn đều |
| 3 | Chà lòng bàn tay này lên mu và kẽ các ngón của bàn tay kia và ngược lại |
| 4 | Chà hai lòng bàn tay vào nhau, miết mạnh các kẽ ngón tay |
| 5 | Chà mặt ngoài các ngón tay của bàn tay này vào lòng bàn tay kia |
| 6 | Dùng lòng bàn tay này xoay ngón cái của bàn tay kia và ngược lại |
| 7 | Xoay đầu ngón tay này vào lòng bàn tay kia và ngược lại |
| 8 | Rửa sạch tay dưới vòi nước, không làm bẩn tay khi khóa vòi nước |
| 9 | Lấy khăn sạch lau khô bàn tay |

( Chú ý các bước chà 5 lần) PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

**QUY TRÌNH 24: KỸ THUẬT BĂNG VẾT THƯƠNG VÙNG ĐẦU**

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Các bước tiến hành** |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| 2 | Kiểm tra dụng cụ |
| 3 | Thông báo, giải thích, để người bệnh tư thế thích hợp, động viên trong quá trình băng |
| 4 | Điều dưỡng đứng phía trước bệnh nhân |
| 5 | Bắt đầu băng: Băng 2 vòng khóa ngang trán quanh đầu với cuộn đầu |
| 6 | Cuộn thứ 2 đặt ở vị trí giữa trán kéo băng qua đỉnh đầu tới xương chẩm |
| 7 | Cứ băng từ trước ra sau rồi ra trước, mỗi vòng phải trở về chỗ ban đầu và băng lan tỏa ra cả 2 bên hình rẻ quạt, vòng sau đè lên vòng trước 1/2 - 2/3 cho kín cả đầu |
| 8 | Băng vòng quanh đầu để cố định |
| 9 | Băng kín, đẹp vừa chặt |
| 10 | Theo dõi lưu thông máu, tuần hoàn vùng trán |
| 11 | Ghi phiếu chuyển thương |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

**QUY TRÌNH 25: KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH ĂN BẰNG**

**ỐNG THÔNG MŨI – DẠ DÀY**

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Các bước tiến hành** |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| 2 | Chuẩn bị người bệnh: Đối chiếu, giải thích, động viên người bệnh hoặc người nhà |
| 3 | Kiểm tra dụng cụ sạch, vô khuẩn đầy đủ |
| 4 | Vệ sinh mũi cho người bệnh |
| 5 | Sát khuẩn tay mở khay vô khuẩn |
| 6 | Đo ống thông, đánh dấu, bôi trơn đầu ống thông |
| 7 | Đưa ống thông nhẹ nhàng qua mũi vào dạ dày đến chỗ đánh dấu |
| 8 | Kiểm tra xem ống thông đã vào dạ dày chưa, cố định ống thông |
| 9 | Kiểm tra thức ăn, lấy thức ăn vào bơm, đuổi khí |
| 10 | Lắp bơm vào ống thông bơm từ từ đến khi hết, theo dõi sắc mặt người bệnh, tráng ống thông bằng nước chín |
| 11 | Rút ống thông từ từ (lấy gạc đỡ ống thông để rút)\_ |
| 12 | Lau mũi cho người bệnh, giúp người bệnh về tư thế thoải mái |
| 13 | Thu dọn dụng cụ |
| 14 | Ghi chép hồ sơ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

**QUY TRÌNH 26: KỸ THUẬT TRUYỀN MÁU**

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Các bước tiến hành** |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| 2 | Thực hiện 5 đúng, giải thích và động viên người bệnh |
| 3 | Kiểm tra dụng cụ sạch, vô khuẩn đầy đủ |
| 4 | Sát khuẩn tay mở khay vô khuẩn |
| 5 | Kiểm tra lại túi máu lắc đều, đuổi khí qua dây, khóa lại |
| 6 | Cắt băng dính, bộc lộ vùng truyền, chọn tĩnh mạch, đặt gối kê tay dưới vùng truyền |
| 7 | Buộc dây cao su trên vùng truyền 3-5 cm |
| 8 | Sát khuẩn vị trí truyền từ trong ra ngoài theo hình xoáy ốc 2 lần, điều dưỡng sát khuẩn tay, đặt lam tam giác |
| 9 | Căng da, đâm kim đã cắm dây truyền chếch 300 so với mặt da hạ kim sát mặt da và luồn kim vào tĩnh mạch |
| 10 | Thấy máu trào ra, tháo dây ga rô, mở khóa cho máu chảy |
| 11 | Cố định kim và dây truyền |
| 12 | Định nhóm máu và làm phản ứng chéo tại giường |
|  | Điều chỉnh tốc độ theo y lệnh, quan sát theo dõi người bệnh. |
| 14 | Giúp người bệnh về tư thế thoải mái, theo dõi, dặn người bệnh những điều cần thiết |
| 15 | Truyền hết máu, tháo băng dính, khóa dây truyền máu và rút kim nhanh, sát khuẩn vị trí truyền |
| 16 | Dặn người bệnh nghỉ ngơi tại gường 10-15 phút, tiến hành thu dọn cụ |
| 17 | Ghi hồ sơ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

**QUY TRÌNH 27: KỸ THUẬT HÚT THÔNG ĐƯỜNG HÔ HẤP**

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Các bước tiến hành** |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang, rửa tay thường quy |
| 2 | Giải thích, cho người nhà yên tâm |
| 3 | Kiểm tra dụng cụ sạch, vô khuẩn đầy đủ |
| 4 | Đặt người bệnh ở tư thế thuận lợi |
| 5 | Điều dưỡng mang găng. Nối ống hút với hệ thống máy hút và hút một ít vào ống thông |
| 6 | Đưa đầu ống thông vào hút ở các vị trí miệng, hầu họng, mũi |
| 7 | Mỗi lần hút không quá 15giây, mỗi đợt hút không quá hai phút, sau mỗi lần hút phải hút nước để ống được thông |
| 8 | Tháo ống thông bỏ vào túi đựng rác thải lây nhiễm |
| 9 | Thu dọn dụng cụ, tháo găng, ghi hồ sơ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

**QUY TRÌNH 28: CHUẨN BỊ DỤNG CỤ VÀ NGƯỜI BỆNH**

**CHO THẦY THUỐC KHÁM BỆNH**

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Các bước tiến hành** |
|  | **\* Chuẩn bị dụng cụ** |
| 1 | Hồ sơ bệnh án, giấy xét nghiệm, giấy khám chuyên khoa |
| 2 | Bảng theo dõi chức năng sống |
| 3 | Xe đẩy, hộp bông gạc vô khuẩn |
| 4 | Huyết áp ống nghe, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây |
| 5 | Búa phản xạ, cân, thước dây, găng tay |
| 6 | Bô chậu, khay quả đậu |
| 7 | Đèn soi, loa soi tai, loa soi mũi, mỏ vịt |
|  | **\* Chuẩn bị người bệnh (khám tổng quát)** |
| 8 | Khám tim phổi: Đặt người bệnh ngồi hoặc nằm, vén áo lên quá vai |
| 9 | Khám tiêu hóa: Đặt người bệnh nằm ngửa thẳng hai gối co lên chụm lại, bàn chân thẳng trên giường |
| 10 | Khám trực tràng: Đặt người bệnh nằm chổng mông hoặc nghiêng trái |
| 11 | Khám âm đạo: Đặt người bệnh nằm ngửa hai gối co lên, đùi hơi dạng |
| 12 | Khám gáy, lưng và cột sống: Đặt người bệnh nằm sấp hai tay để lên phía đầu, đầu nghiêng một bên |
| 13 | Khám tai mũi họng, Mắt, răng hàm mặt: Đặt người bệnh ngồi trên ghế tựa |
| 14 | Khám trẻ nhỏ: Điều dưỡng bế trẻ trong lòng, một tay quàng qua thân trẻ, một tay giữ đầu trẻ, chân điều dưỡng kẹp lấy chân trẻ bộc lộ vùng cần khám |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

**QUY TRÌNH 29: KỸ THUẬT CỐ ĐỊNH GÃY XƯƠNG ĐÙI**

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Các bước tiến hành** |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| 2 | Kiểm tra dụng cụ |
| 3 | Đặt người bệnh nằm ngửa trên nền cứng, chân hơi dạng |
| 4 | Hướng dẫn người phụ 1: Ngồi dưới chân người bệnh, một chân quỳ, một chân chống, một tay đỡ gót, một tay đẩy bàn chân vuông góc với cẳng chân |
| 5 | Hướng dẫn người phụ 2: Ngồi bên chi lành, nâng đỡ người bệnh và giữ nẹp |
| 6 | Đặt nẹp ngoài, từ hõm nách đến quá gót chân |
| 7 | Đặt nẹp trong từ bẹn đến quá gót chân |
| 8 | Đệm bông không thấm nước: Hõm nách, bẹn, đầu gối, mắt cá chân |
| 9 | Đặt giải băng trên, dưới ổ gãy, dưới khớp gối, cổ chân, ngang hai mào chậu và ngang ngực rồi cố định |
| 10 | Dùng cuộn băng băng bàn chân vuông góc với cẳng chân |
| 11 | Đặt giải băng ở 1/3 trên đùi, ngang hai khớp gối, 1/3 dưới cẳng chân và cố định |
| 12 | Kiểm tra tuần hoàn đầu chi, ghi hồ sơ |
| 13 | Thu dọn dụng cụ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

**QUY TRÌNH 30: QUY TRÌNH KỸ THUẬT GA RÔ CẦM MÁU**

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| 2 | Kiểm tra dụng cụ |
| 3 | Đặt người bệnh nằm hoặc ngồi tùy vị trí vết thương và tình trạng người bệnh |
| 4 | Quấn gạc lót vòng quanh nơi đặt ga rô trên vết thương 3cm đến 5cm |
| 5 | Đặt băng cao su băng vòng một vừa phải, vòng hai chặt hơn vòng một, vòng ba chặt hơn vòng hai |
| 6 | Đặt ngón tay cái vào vòng băng phía trên đường đi của động mạch bị tổn thương, cuốn vòng thứ tư, nâng ngón tay lên dắt phần còn lại của cuộn băng vào vị trí đó |
| 7 | Quan sát vết thương thấy ngừng chảy máu, đặt gạc lên vết thương dùng băng băng lại |
| 8 | Đối với chi trên dùng băng tam giác treo tay người bệnh theo tư thế cơ năng |
| 9 | Viết phiếu ga rô cài trước ngực, ghi hồ sơ |
| 10 | Thu dọn dụng cụ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

**QUY TRÌNH 31: QUY TRÌNH KỸ THUẬT CỐ ĐỊNH**

**GÃY XƯƠNG CÁNH TAY**

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Các bước tiến hành** |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| 2 | Kiểm tra dụng cụ |
| 3 | Đặt người bệnh ngồi hoặc nằm tùy theo tình trạng người bệnh, tay lành đỡ lấy tay đau, cẳng tay vuông góc với cánh tay |
| 4 | Hướng dẫn người phụ: Đứng đối diện với người bệnh, một tay đặt ở khuỷu, một tay đặt ở hõm nách, vừa kéo vừa quan sát người bệnh |
| 5 | Đặt nẹp ngoài từ quá vai đến quá khuỷu tay |
| 6 | Đặt nẹp trong từ hố nách đến quá khuỷu tay |
| 7 | Đệm bông không thấm nước ở khuỷu, vai, hõm nách |
| 8 | Đặt giải băng trên ổ gãy, dưới ổ gãy và cố định |
| 9 | Treo cẳng tay trước ngực bằng băng tam giác |
| 10 | Cố định tay với thân mình bằng cuộn băng |
| 11 | Kiểm tra tuần hoàn đầu chi, ghi hồ sơ |
| 12 | Thu dọn dụng cụ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

TTYT QÙY CHÂU

**PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG**

**QUY TRÌNH 32: QUY TRÌNH KỸ THUẬT CỐ ĐỊNH**

**GÃY XƯƠNG ĐÙI**

( Kèm theo quyết định: Số /QĐ- TTYT ngày / /2020)

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Các bước tiến hành** |
| 1 | Điều dưỡng đội mũ, đeo khẩu trang |
| 2 | Kiểm tra dụng cụ |
| 3 | Đặt người bệnh nằm ngửa trên nền cứng, chân hơi dạng |
| 4 | Hướng dẫn người phụ 1: Ngồi dưới chân người bệnh, một chân quỳ, một chân chống, một tay đỡ gót, một tay đẩy bàn chân vuông góc với cẳng chân |
| 5 | Hướng dẫn người phụ 2: Ngồi bên chi lành, nâng đỡ người bệnh và giữ nẹp |
| 6 | Đặt nẹp ngoài, từ hõm nách đến quá gót chân |
| 7 | Đặt nẹp trong từ bẹn đến quá gót chân |
| 8 | Đệm bông không thấm nước: Hõm nách, bẹn, đầu gối, mắt cá chân |
| 9 | Đặt giải băng trên, dưới ổ gãy, dưới khớp gối, cổ chân, ngang hai mào chậu và ngang ngực rồi cố định |
| 10 | Dùng cuộn băng băng bàn chân vuông góc với cẳng chân |
| 11 | Đặt giải băng ở 1/3 trên đùi, ngang hai khớp gối, 1/3 dưới cẳng chân và cố định |
| 12 | Kiểm tra tuần hoàn đầu chi, ghi hồ sơ |
| 13 | Thu dọn dụng cụ |

PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

Để thực hiện tốt thông tư 07/2011/BYT về hướng dẫn công tác Điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong Bệnh viện góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh ngày càng tốt hơn. Thực hiện tốt điều 12 của thông tư 07 về thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng. Phòng Điều dưỡng Trung tâm y tế quỳ Châu đã xây dựng 32 quy trình kỹ thuật Điều dưỡng đề nghị tất cả các Điều dưỡng viên, Hộ sinh viên, KTV phải tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn./.

**TP.ĐIỀU DƯỠNG GIÁM ĐỐC**

***Nơi Nhận:***

* Ban Giám đốc;
* Các khoa, phòng, TYT xã, Thị Trấn.

**Tống Thị Mỹ Châu Đặng Tân Minh**